ごみ・資源物の出し方・分け方（日本語）

垃圾・再生资源类垃圾的扔出方法、分类方法（中国語）

How to Dispose of and Sort Waste and Recyclable Items（英語）

Modo de Deixar para Coleta, Separar o Lixo e os Materiais Recicláveis（ポルトガル語）

Forma de Depositar y Separar la Basura y los Materiales Reciclables（スペイン語）

Cách vứt - phân loại rác thải và rác tài nguyên（ベトナム語）

- 祝日も収集します。
- 年末・年始のごみ収集日については、広報せとの裏表紙の「ごみ収集予定表」または「ごみ・資源物収集カレンダー」をご覧ください。
- 決められた場所に収集日の朝 8 時 30 分までに出してください。

- 节日也回收垃圾。
- 关于年底年初的垃圾回收情况，请参阅濑户市宣传报封底页面的“垃圾回收预定表”或“垃圾・再生资源类垃圾回收日期表”。
- 请在回收日的早上 8 点 30 分之前把垃圾拿到规定的回收场所。

- Waste is collected even on national holidays.
- For collection during the year-end and New Year holidays, please see the "Waste Collection Schedule" or "Waste/Recyclable Items Collection Calendar" on the back of the Seto City Bulletin.
- All waste should be placed in the designated collection area by 8:30 a.m. on the collection day.

- A coleta será efetuada também nos feriados.
- Quanto à coleta do lixo no final e início do ano, veja a "Calendário da Coleta do Lixo," na contracapa do Jornal Seto, ou o "Calendário da Coleta do Lixo e Materiais Recicláveis".
- Deixe para coleta até às 8 horas e 30 minutos do dia da coleta, no local estabelecido.

- La basura se recolecta todos los días incluidos los días feriados.
- Referente a los días de recolección durante los días feriados del fin de año, vea el "Calendario de Recolección de la Basura" que se encuentra en el dorso del Boletín de Seto o en el "Calendario de Recolección de la Basura y los Recursos Materiales".
- Deposite la basura en el sitio designado antes de las 8:30 a.m. del día de recolección.

- Ngày lễ cũng thu gom.
- Để biết ngày thu gom rác vào cuối năm và đầu năm, vui lòng tham khảo "Lịch trình thu gom rác dự kiến" hoặc "Lịch thu gom rác thải và rác tài nguyên" ở mặt sau của bản tin thành phố Seto.
- Vui lòng vứt rác tại nơi quy định trước 8:30 sáng ngày thu gom.

燃えるごみ　可燃垃圾　Lixo Incinerável
Combustible Waste　Basura Combustible　Rác đốt được

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

週２回収集します。オレンジ色の指定袋に入れて縛って出してください。
（お住まいの地区により収集日が異なります。詳しくはお住まいの地区の「ごみ・資源物収集カレンダー」をご覧ください。）

每周回收 2 次。请放入橙色的指定袋里并扎好后扔出。
（各个地区的回收日有所不同。具体日期请参阅您居住地区的“垃圾・再生资源类垃圾回收日期表”。）

Collected twice a week. Put in the specified orange bag, bind up the opening and place in the collection area.
(Collection days vary according to where you live. See the "Waste/Recyclable Items Collection Calendar" for details on your area.)

A coleta será efetuada 2 vezes po semana. Insira em sacos laranja , indicados e amarre-os, deixando para a coleta.
(O dia da coleta muda conforme a região em que reside. Para detalhes, veja o "Calendário da Coleta de Lixo e Materiais Recicláveis", da sua região.)

La basura combustible se recoge dos veces a la semana. Deposite la basura combustible en las bolsas de basura designadas de color naranja selladas.
(Los días de recogida varían dependiendo de los barrios o distritos (chiku). Para obtener más información, vea el "Calendario de Recolección de la Basura y los Recursos Materiales" de su barrio o distrito).

Thu gom 2 lần/tuần. Vui lòng cho vào túi chỉ định Da cam, buộc lại rồi mang đi vứt.
(Ngày thu gom sẽ khác nhau tùy theo khu vực bạn sinh sống. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo "Lịch thu gom rác thải và rác tài nguyên" của khu vực bạn đang sinh sống.)

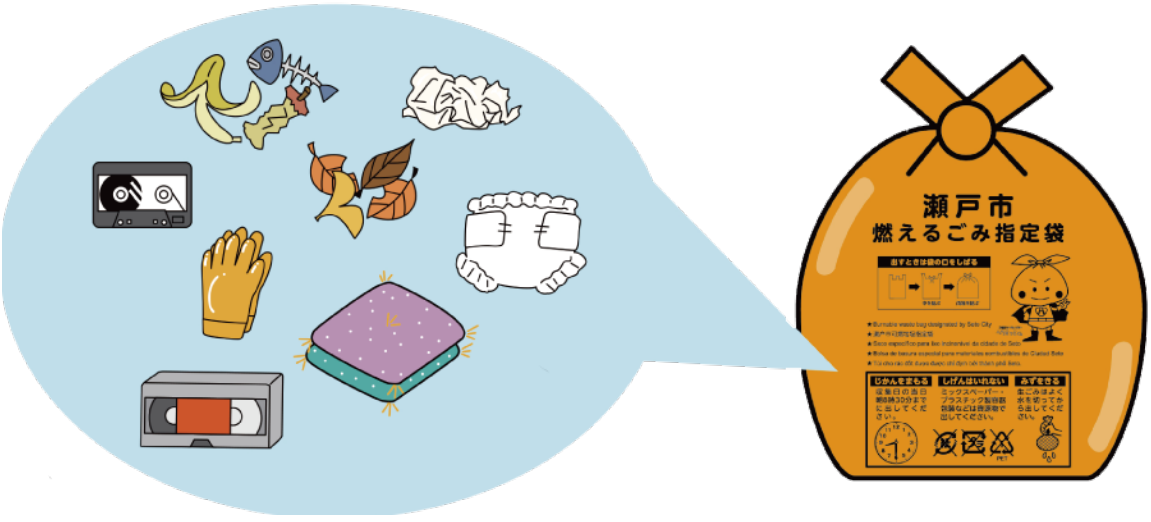

燃えないごみ　不可燃垃圾　Incombustible Waste
Lixo não Incinerável　Basura Incombustible　Rác không đốt được

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

事前予約制です。1 回の予約で 2 袋まで（予約は 5 ページ）。
ライトブルー色の指定袋に入れて縛って出してください。
お名前・収集日を書いて、申込時に指定された場所に出してください。

事先预约制。1 次预约最多 2 袋。预约方法请参见第 5 页。请放入浅蓝色的指定袋里并扎好后扔出。
请在粉色袋上贴好写有姓名与回收日期的纸条，并拿到申请时指定的地点扔出。

Make a reservation in advance. Up to 2 bags per reservation (see page 5 for reservation instructions).
Put in the specified light blue bags and place in the collection area. Write your name and collection day on a piece of paper, affix it to the bag and place the bag in the location specified when you made the reservation.

Sistema de solicitação antecipada. Até 2 sacos por solicitação (consulte a página 5 para as instruções de solicitação).Insira em sacos cor de azul claro indicados, emarre-os, deixando para coleta. Cole o papel com o seu nome/dia da coleta escritos. Deixe para coleta no dia estabelecido, no ato da solicitação.

Sistema de Reserva Previa. Hasta un máximo de 2 bolsas por vez (consulte las instrucciones para la reserva en la página 5).Deposite la basura incombustible en las bolsas de basura designadas de color azul claro bien cerradas. Coloque la etiqueta con su nombre y día de recolección y deposite la basura en el lugar indicado en el momento de la reserva.

Cần hẹn trước. Tối đa 2 túi cho 1 lần hẹn (phương thức đặt hẹn có ghi ở trang 5). Vui lòng cho vào túi chỉ định Xanh nhạt, buộc lại rồi mang đi vứt.
Vui lòng ghi họ tên và ngày thu gom, sau đó vứt rác tại địa điểm được chỉ định khi đăng ký.

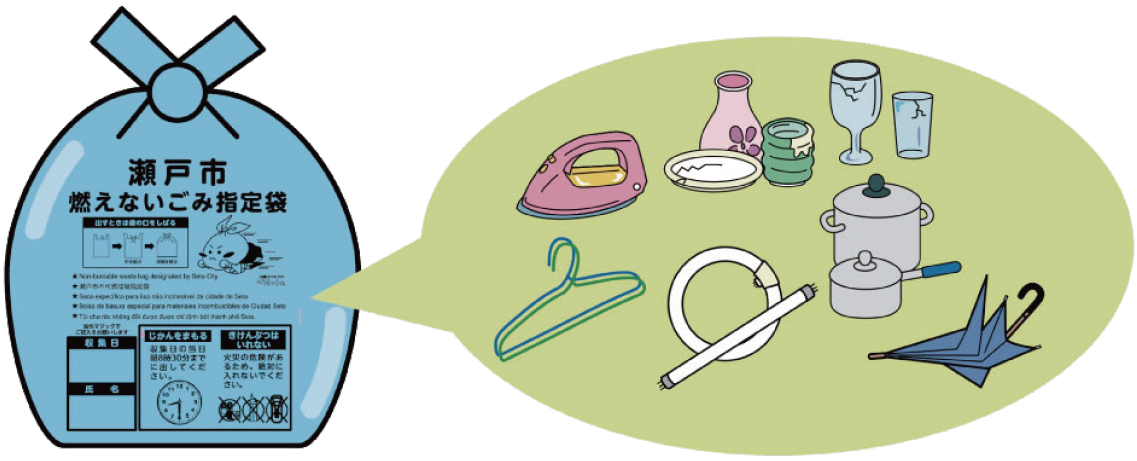

粗大ごみ　大型垃圾　Large Waste　Lixo de Grandes Dimensões
Basura de Gran Tamaño　Rác cồng kềnh

● 出し方（日本語）
● 扔出方法（中国語）
● How to dispose（英語）
● Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
● Cómo sacar esta basura（スペイン語）
● Cách vứt（ベトナム語）

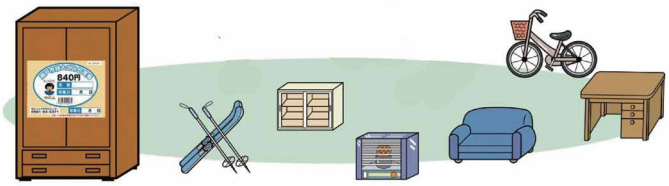

事前予約制です。1 回の予約で 5 点まで（予約方法は 5 ページ）。なお、1 点に付、840 円。
お名前・収集日を記入した「粗大ごみ処理券」を見やすい所に貼って、申込時に指定された場所に出してください。

事先预约制。1 次预约最多 5 件（预约方法请参见 5 页）。每件 840 日元。
请在垃圾的醒目位置上贴好写有姓名与回收日期的“大型垃圾处理券”，并拿到申请时指定的地点扔出。

Make a reservation in advance. Up to 5 bags per reservation (see page 5 for reservation instructions); 840 yen per bag. Fill out the "Large Waste Disposal Certificate" with your name and collection day and affix to the bag in a visible position and place the bag in the location specified when you made the reservation.

Sistema de solicitação antecipada. Até 5 itens a cada reserva (consulte a página 5 para as instruções de solicitação). 840 ienes por item.
Cole em local de fácil visualização o "cupom de processamento do lixo de grandes dimensões" com o seu nome / dia da coleta inscritos e deixe para coleta no dia estabelecido no ato de solicitação.

Sistema de Reserva Previa. Hasta un máximo de 5 artículos por vez (consulte las instrucciones para la reserva en la página 5). El importe a pagar por cada artículo sacado será de 840 yenes.
Coloque el cupón de tratamiento de la basura de gran tamaño con su nombre y día de recolección

Cần hẹn trước. Tối đa 5 túi cho 1 lần hẹn (phương thức đặt hẹn có ghi ở trang 5). Ngoài ra, phí 1 món là 840 yên. Vui lòng dán "Phiếu xử lý rác cồng kềnh" có điền họ tên và ngày thu gom ở vị trí dễ nhìn thấy, sau đó vứt ở nơi được chỉ định khi đăng ký.

● 粗大ごみ処理券を購入できる場所
● 大型垃圾处理券的出售地点
● Where to buy large waste disposal certificates
● Locais de aquisição do cupom de processamento do lixo de grandes dimensões
● Lugares donde puede adquirir cupones de tratamiento de la basura de gran tamaño (Sodai Gomi Shoriken)
● Nơi có thể mua phiếu xử lý rác cồng kềnh

瀬戸市の「粗大ごみ処理券」は、市内のスーパーマーケット、ドラッグストア、コンビニエンスストア等で購入することができます。取扱う店の店頭には右記のステッカーが掲示されています。

可在濑户市内的超市、药局、便利店等各处购买“大型垃圾处理券”。出售商店均会在店面贴出右图所示的标签。

You can purchase Seto City "Large Waste Disposal Certificates" at supermarkets, drugstores, convenience stores and elsewhere in the City. The sticker on the right is put up outside stores selling the certificates.

O "cupom de processamento do lixo de grandes dimensões" da cidade de Seto pode ser adquirido nos supermercados da cidade, drogarias e lojas de conveniência, entre outros. A loja que os vende, exibe um selo como o da direita.

Puede adquirir estos cupones en los supermercados, en las farmacias-droguerías y en las tiendas de conveniencia (Convenience Stores), y otros lugares de la ciudad de Seto. En la entrada de estos establecimientos donde se venden estos cupones se observa el adhesivo de la derecha.

Bạn có thể mua "Phiếu xử lý rác cồng kềnh" của thành phố Seto tại các siêu thị, hiệu thuốc, cửa hàng tiện lợi, v.v... trong thành phố. Nhãn bên phải được dán ở phía trước của hàng tiếp nhận.

申込み方法　申请方法　Reservations
Forma de solicitação　Cómo realizar la reserva　Cách đăng ký

燃えないごみ・粗大ごみ予約受付センター
受付曜日、時間：月曜日から金曜、9:00 から 17:00（祝日可）

TEL 0561(84)-5371

不可燃垃圾・大型垃圾预约受理中心
受理日期与时间: 周一至周五 9:00 至 17:00(节日照常)

Incombustible and large waste reservation center
Reservations can be made on Monday through Friday from 9:00 a.m. to 5:00 p.m. (incl.national holidays).

Centro de solicitação do lixo não incinerável / Lixo de grandes dimensões
Dia e horário de atendimento: De segundas às sextas, das 9:00 às 17:00 (inclusive domingos e feriados)

Centro de Reserva para la recolección de la basura incombustible y de gran tamaño:
Horario: De lunes a viernes, 9:00-17:00 (se atiende incluidos los días feriados).

Trung tâm tiếp nhận đặt hẹn xử lý rác không đốt được và rác cồng kềnh
Ngày, giờ tiếp nhận: Thứ Hai đến Thứ Sáu, từ 9:00 đến 17:00 (có thể sử dụng vào ngày lễ)

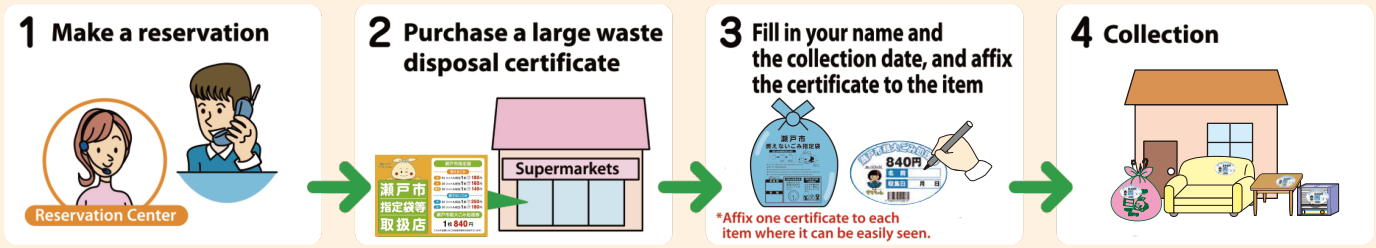

予約受付…月～金曜日（祝日も受付）
预约受理…周一～周五（节假日也受理）
Reservations available... Monday through Friday (available on national holidays)
Recepcionista de reserva... De segunda a sexta (Recepcão também nos feriados)
Recepcionista de reservación... lunes a viernes (Se atienden los días festivos)
Tiếp nhận đặt hẹn: Thứ Hai - Thứ Sáu (tiếp nhận trong cả ngày lễ)

WEB予約フォーム
网上预约表格
WEB Reservation Form
Formulário de reserva pela internet
Formulario para la Solicitud de Reserva en la WEB
Biểu mẫu đặt hẹn trên WEB

PC 用、携帯電話用ともに：
电脑及手机用：
For both PCs and mobile phones:
Para PC (computador) e telefone celular:
Para PC (computadora) y para teléfono móvil:
Dùng cho cả PC và điện thoại di động:

http://www.setogomi.com

※聴覚等に障害がある方専用 FAX 番号
※供听觉障碍以及其他残障人士专用的传真号码：
※Fax number for those with hearing or other disabilities:
※N° do fax para pessoas com problemas auditivos ou visuais:
※No. de fax para las personas con dificultades de audición, etc.
※Số FAX dành riêng cho người khuyết tật như khiếm thính, v.v...

FAX 0561(82)-8751

資源物　再生資源类垃圾　Recyclable Items
Materiais Recicláveis　Materiales Reciclables　Rác tài nguyên

それぞれ月２回収集します。
(お住まいの地区により収集日が異なります。詳しくはお住まいの地区の「ごみ・資源物収集カレンダー」をご覧ください。)

本类垃圾每月回收２次，分别回收。
(各个地区的回收日有所不同。具体日期请参阅您居住地区的“垃圾・再生资源类垃圾回收日期表”。)

Each type is collected twice a month.
(Collection days vary according to where you live. See the “Waste/Recyclable Items Collection Calendar” for details on your area.)

Serão coletados 2 vezes a cada mês
(O dia da coleta muda conforme a região em que reside. Para detalhes, veja o “Calendário da Coleta do Lixo e Materiais Recicláveis”, da sua região.)

Cada material se recoge 2 veces al mes.
(Los días de recogida varían dependiendo de los barrios o distritos (chiku) donde Ud. vive. Para obtener más información, vea el “Calendario de Recolección de la Basura y los Recursos Materiales” de su barrio o distrito).

Thu gom lần lượt 2 lần/tháng.
(Ngày thu gom sẽ khác nhau túy theo khu vực bạn sinh sống. Để biết chi tiết, vui lòng tham khảo “Lịch thu gom rác thải và rác tài nguyên” của khu vực bạn đang sinh sống.)

びん・缶・スプレー缶・ペットボトル
瓶、罐、喷雾罐、塑料瓶
Empty bottles, cans, spray cans and plastic bottles
Garrafas / latas / tubo de spray / recipientes PET
Botellas, latas, latas de spray y botellas PET
Chai, lon, bình xịt, chai nhựa PET

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

びんは青色のかご、缶はオレンジ色のかご、スプレー缶は透明のかご、ペットボトルは緑色の網袋に入れてください。

请将瓶放进蓝色的筐里，罐放进橙色的筐里，喷雾罐放进透明的筐里，塑料瓶放进绿色的网袋里。

Place bottles in blue baskets, cans in orange baskets and spray cans in transparent baskets, and put plastic bottles inside the nets.

Coloque as garrafas na caixa azul, latas na caixa laranja, tubos de spray na caixa transparente e recipientes PET na rede verde.

Deposite las botellas en la caja de color azul, las latas en la caja de color naranja, las latas de spray en la caja transparente y las botellas PET en la bolsa de malla verde.

Vui lòng cho chai vào giỏ màu xanh dương, lon vào giỏ màu cam, bình xịt vào giỏ trong suốt, chai nhựa PET vào túi lưới màu xanh lá.

紙類　纸张类　Paper　Papéis　Papeles　Cac loai giấy

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

ダンボール、新聞紙、雑誌類、ミックスペーパー、紙パック 5 種類に分けて出してください。

请分成纸箱、报纸、杂志、杂纸、纸盒 5 种垃圾扔出。

Sort the paper into 5 categories (cardboard, newspapers, magazines, miscellaneous paper waste and paper cartons) and put them out separately.

Separe em 5 tipos; caixa de papelão, jornais, revistas, papel-cartão / cartolina e pacotes longa vida, deixando para coleta.

Separe estos materiales en cinco categorías: cartones, periódicos, revistas, papeles varios y cajas de cartón.

Vui lòng phân ra thành 5 loại: thùng carton, giấy báo, các loại tạp chí, giấy hỗn hợp, hộp giấy, rồi vứt.

古布　旧布类　Old cloth　Pano velho　Textiles viejas　Vải cũ

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

衣類、シーツ、タオルなどを透明または半透明の袋に入れて「古布」と書いた紙を貼って出してください。（市の指定袋でも可）

衣服、床单被单、毛巾等垃圾请放入透明或半透明的塑料袋中，并贴上写有“古布（旧布类）”的纸条后再扔出。（市指定的塑料袋也可）

Put out old clothes, sheets and towels in transparent or semi-transparent bags with a label attached indicating " 古布 (Old Cloth)." (You can use the City's designated collection bags.)

Roupas, fronhas, toalhas e afins devem ser inseridos em sacos transparentes ou semitransparentes, colando-se um papel escrito " 古布 (pano velho)", deixando para coleta. (o saco indicado pela prefeitura também poderá ser usado.)

Depositar la ropa, las sábanas, las toallas, etc., en las bolsas transparentes o semitransparentes colocando una etiqueta que indique " 古布 (tela vieja)". (También pueden usar las bolsas de basura designadas del municipio.)

Vui lòng cho quần áo, ga giường, khăn lau, v.v... vào túi trong suốt hoặc trong mờ và dán giấy có ghi chữ "Vải cũ" lên rồi vứt. (Có thể cho vào túi chỉ định của thành phố)

プラスチック製容器包装　塑料制品容器或包装　plastic containers and packages
recipientes e embalagens de plástico　recipientes o embalajes de plástico
bao bì và đồ đựng bằng nhựa

プラスチック製容器包装とは、食品などの商品の容器や包装で、中身の商品を取り出した（使った）後、不要となるプラスチック製のもの（ペットボトルを除く）をいいます。

塑料制品容器或包装是指食品等商品的容器或包装，在取出（用完）里面的商品后，不再需要的塑料制品（塑料瓶除外）。

Plastic containers and packages, excluding polyethylene terephthalate (PET) plastic bottles, are defined as plastic items used to contain or wrap food or other products that are no longer needed after the inside products are removed (or consumed).

Recipientes e embalagens de plástico, excluindo garrafas de plástico de tereftalato de polietileno (PET), são definidos como itens de plástico usados para conter ou embrulhar alimentos ou outros produtos, que não são mais necessários após a remoção (ou consumo) dos produtos internos.

Se define como recipiente o embalaje de plástico aquel artículo de plástico, con exclusión de las botellas de tereftalato de polietileno (PET), que, empleado para contener o envolver alimentos u otros productos, ya no es necesario una vez retirado (o consumido) el producto.

Bao bì và đồ đựng bằng nhựa, không bao gồm chai nhựa polyethylene terephthalate (PET), được định nghĩa là các vật dụng bằng nhựa được sử dụng để chứa hoặc bọc thực phẩm hay các sản phẩm khác và không còn cần thiết sau khi sản phẩm bên trong được lấy ra (hoặc được tiêu thụ).

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

プラマークが付いているか確認してください。
请确认是否有塑料标志。
Check if the waste bears the Pla-mark.
Verifique se o lixo leva a marca Pla.
Compruebe si el residuo lleva el símbolo “Pla”
Kiểm tra xem chất thải có dấu Pla (Pura) hay không.

中身を使い切り、汚れを取り除いてください。
请用完内装物，并祛除污渍。
Use up the content and remove the stains.
Use o conteúdo completamente e remova qualquer sujeira.
Use el contenido y elimine las manchas.
Sử dụng hết sản phẩm chứa bên trong và làm sạch.

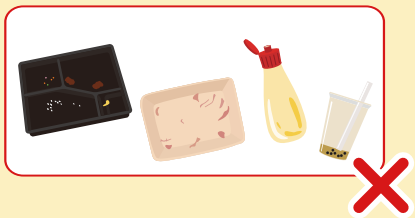

はがしにくいラベルはそのままでもかまいません。
汚れ、臭いが取れないものは燃えるごみに出してください。
不易撕掉的标签保持原样即可。污渍和臭味无法祛除的请作为可燃垃圾处理。
You may leave labels as they are if it is difficult to remove them.
Dispose of items as burnable waste if their stained soil or odors cannot be removed.
Pode deixar os rótulos como estão se for difícil removê-los.
Descarte os itens como lixo incinerável se sua sujeira ou odor não puderem ser removidos.
Puede dejar las etiquetas si es difícil quitarlas.
Si no fuera posible eliminar las manchas de suciedad o los olores, sáquelo como basura incinerable.
Có thể để nguyên nhãn dán nếu khó bóc ra.
Đối với những vật dụng không thể loại bỏ chất bẩn hoặc mùi hôi, vui lòng vứt vào rác đốt được.

カップ・パック類 杯子盒子类
Cups and packs Copos e embalagens
Envases y cuencos Cốc và bao bì đóng gói

トレイ類 托盘类
Trays Bandejas
Bandejas Khay

袋・ラップ類 袋子保鲜膜类
Bags and wraps Sacos e embrulhos
Bolsas y envoltorios Túi và bọc

卵のパック
鸡蛋盒
Egg packs
Embalagens de ovos
Envase de huevos
Vỉ trứng

カップ麺の容器
杯面的容器
Cup noodle containers
Recipientes demacarrão instantâneo em copo
Recipiente de fideos
Đồ đựng mì ăn liền

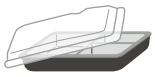

弁当の容器 便当的容器
Lunch containers
Recipientes de lanche
Recipientes de comida
Hộp cơm bento

白色トレイ・色付きトレイ
白色托盘和有色托盘
White and colored tray
Bandejas brancas e coloridas
Bandejas blancas o de colores
Khay trắng và khay màu

お菓子等の袋
点心等的袋子
Snack bags
Sacos de petiscos
Bolsas de aperitivos
Túi đựng đồ ăn vặt

レジ袋 塑料购物袋
Plastic checkout bags
Sacos de plástico de compras
Bolsas de plástico con asas
Túi mua hàng bằng nhựa

キャップ・ラベル類 盖子标签类
Caps and labels Tampas e rótulos
Tapones y etiquetas Nắp và nhãn

ボトル類 瓶子类
Bottles
Garrafas
Botellas
Chai lọ

その他のプラスチック製容器包装
其他的塑料制品容器或包装
Other plastic containers and packages
Outros recipientes e embalagens de plástico
Otros recipientes y embalajes de plástico
Các loại bao bì và đồ đựng bằng nhựa khác

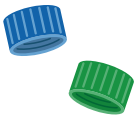

ペットボトルキャップ
塑料瓶盖子
PET bottle caps
Tampas de garrafas PET
Tapones de botellas de PET
Nắp chai nhựa PET

ペットボトルラベル
塑料瓶标签
PET bottle labels
Rótulos de garrafas PET
Etiquetas de botellas de PET
Nhãn chai nhựa PET

しょうゆの容器
酱油的容器
Soy sauce containers
Recipientes de molhode soja
Envases de salsa de soja
Chai đựng nước tương

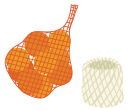

果物などのネット
水果等的网袋
Fruit and other nets
Redes de frutas e outros produtos
Mallas para frutas y similares
Các loại túi lưới bọc trái cây

発砲スチロール
泡沫苯乙烯
Styrofoam
Espuma de estireno
Styrofoam
Mút xốp

薬の包装
药品的包装
Medicine packages
Embalagens de remédio
Envases de medicamentos
Vỉ thuốc

危険なものです！混入しないでください！ 危险物品！请勿混入！ Separate dangerous goods!
Separe artigos perigosos! ¡Separe los objetos peligrosos! Phân loại vật nguy hiểm!

ライター
リチウムイオン電池
かみそり・はさみ
注射器

ライター・リチウムイオン電池は、発火性危険物コンテナに入れてください。
金属製かみそり・はさみは、燃えないごみに出してください。
(樹脂製固定タイプのかみそりは燃えるごみ)
注射器は、キャップを付けた状態で燃えるごみに出してください。

打火机 锂离子电池
金属制剃刀和剪刀
注射器

打火机和锂离子电池请放入易燃危险品回收箱内。
金属制剃刀和剪刀请作为不可燃垃圾提交。(手柄是树脂材料的固定型剃刀请作为可燃垃圾提交)
注射器请套上套管，作为可燃垃圾提交。

Lighters
Lithium-ion batteries
Metal razors and scissors
Syringes

Dispose of lighters and lithium-ion batteries in containers for ignitable hazardous materials.Dispose of metal razors and scissors as non-burnable waste.
(Dispose of razors fixed to resin handles as burnable waste.)
Dispose of syringes with the caps on as burnable waste.

Isqueiros
Bateria de íon de lítio
Navalhas de metal e tesouras
Seringas

Descarte isqueiros e baterias de íon de lítio em recipientes para materiais perigosos inflamáveis.Descarte navalhas de metal e tesouras como lixo não incinerável.
(Descarte navalhas fixas em cabos de resina como lixo incinerável.)
Descarte seringas com tampas como lixo incinerável.

Encendedores
Pilas de iones de litio
Cuchillas y tijeras metálicas
Jeringas

Los encendedores y las pilas de iones de litio van al contenedor de materiales inflamables peligrosos.Las cuchillas y tijeras metálicas van a la basura no incinerable.
(Las cuchillas con mango de resina van a la basura incinerable).
Las jeringuillas con su capuchón van a la basura incinerable.

Bật lửa
Pin Lithium-ion
Dao cạo và kéo kim loại
Ống tiêm

Vui lòng vứt bật lửa và pin lithium-ion vào hộp đựng các vật liệu nguy hiểm dễ bắt lửa.
Vui lòng vứt dao cạo và kéo kim loại vào rác không đốt được.
(Đối với dao cạo được gắn cố định vào tay cầm bằng nhựa, vui lòng vứt vào rác đốt được.)
Vui lòng vứt ống tiêm đã đậy nắp vào rác đốt được.

発火性危険物　易燃危险品　How to Dispose of Hazardous Flammable Items
Forma de descartar produtos perigosos inflamáveis　Forma de desechar productos peligrosos inflamables
Cách vứt chất thải nguy hại dễ phát nổ

- 出し方（日本語）
- 扔出方法（中国語）
- How to dispose（英語）
- Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）
- Cómo sacar esta basura（スペイン語）
- Cách vứt（ベトナム語）

収集日：資源物（びん・缶・ペットボトル）収集日
收集日：资源物品（瓶、罐、PET 塑料瓶）收集日
Collection days: Recyclable (glass bottles, cans, and PET bottles) collection days
Dia da coleta: Dia da coleta de materiais recicláveis(embalagens de vidro, latas e garrafas PET)
Día de recojo: Día de recojo de materiales reciclables(envases de vidrio, latas y botellas PET)
Ngày thu gom: Ngày thu gom rác tài nguyên (chai, lọ, chai nhựa PET)

資源リサイクルセンターに持ち込み可能
可送至资源回收中心
It can be brought to the Resource Recycling Center.

Poderá levá-los ao centro de reciclagem de produtos recicláveis
Puede llevarlos al centro de reciclaje de productos reciclables
Bạn có thể mang đến Trung tâm tái chế tài nguyên

市役所１階回収ボックスにも持ち込み可能
可送至市政府１楼的回收箱
It can be discarded in the collection bin on the first floor at City Hall.

Poderá levá-los para a caixa coletora no primeiro andar da prefeitura municipal
Puede llevarlos a la caja de recojo en el primer piso del ayuntamiento
Bạn cũng có thể mang đến thùng thu hồi đặt tại tầng 1 Tòa thị chính thành phố

充電式シェーバー
充电式剃须刀
Rechargeable shavers
Barbeador recarregável
Afeitadora recargable
Máy cạo râu loại dùng pin sạc

モバイルバッテリー
移动电源
Mobile batteries
Bateria de celular
Batería de móvil
Pin sạc dự phòng

加熱式・電子たばこ
加热式・电子香烟
Heated and electronic cigarettes
Tabaco aquecido, cigarro eletrônico
Tabaco calentado, cigarrillo electrónico
Thuốc lá làm nóng, thuốc lá điện tử

スマートフォン・タブレット
智能手机・平板电脑
Smartphones and tablets
Smartphone / Tablet
Teléfono inteligente, Tableta
Điện thoại thông minh, Máy tính bảng

充電式電池　可充电电池
Rechargeable batteries
Bateria recarregável
Batería recargable　Pin sạc

乾電池はコンテナに入れないでください。出し方は裏面を参照ください
请勿将干电池置于回收筒中。请参考背面，了解相关丢弃方法。
Note: You should not put dry cells in the container.
See the back of this guide for instructions on disposal.
Não coloque pilhas secas dentro do container.
Vide verso para saber a forma de descartá-las.
No coloque las pilas secas dentro del contenedor.
Consulte el reverso para saber cómo desecharlas.
Vui lòng không cho pin khô vào thùng chứa.
Vui lòng tham khảo cách vứt ở mặt sau.

使用済み使い捨てライター　Isqueiro descartável usados
已使用的一次性打火机　Encendedor desechable usado
Used disposable lighter　Bật lửa dùng một lần đã qua sử dụng

スプレー缶
喷雾罐
Spray cans
Lata spray
Lata de aerosol
Bình xịt

中身を使い切って　Usar todo o fluido antes de jogá-lo
内容物用完之后　Usar todo el contenido antes de desecharlo
Use up all contents.　Sử dụng hết chất bên trong

袋に（指定なし）入れる　装入袋子（任意规格）
Put the waste in a bag (no specific bag required).
Colocá-los num saquinho (sem designação)
Ponerlos en una bolsa (sin designación)
Cho vào túi (không có chỉ định)

発火性危険物コンテナへ　置入易燃危险品回收筐
Place the bag in the hazardous flammable item container.
Colocá-los no container de produtos perigosos inflamáveis
Ponerlos en el contenedor de productos peligrosos inflamables
Cho vào thùng chứa chất thải nguy hại dễ phát nổ

乾電池　千电池　Batteries　Pilhas　Baterías　Pin khô

● 出し方（日本語）　● 扔出方法（中国語）　● How to dispose（英語）
● Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）　● Cómo sacar esta basura（スペイン語）
● Cách vứt（ベトナム語）

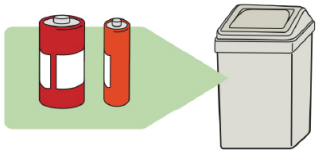

資源リサイクルセンター、公共施設、郵便局等の回収ボックスに入れてください。
充電池、ボタン電池は資源リサイクルセンターの回収ボックスに入れてください。

请拿到资源再生中心、公共设施、邮局等处，并放进该处的回收箱里。充电池、纽扣电池请放进设于资源再生中心的回收箱里。

Put batteries in the collection boxes placed at the Recycling Center, public facilities, post offices, etc.
Put rechargeable batteries and button cells in the collection box at the Recycling Center.

Depositar nas caixas de coleta dos centros de reciclagem dos recursos, estabelecimentos públicos e agências do correio, entre outros. Pilhas recarregáveis e baterias de botão devem ser depositadas nas caixas de coleta dos centros de reciclagem dos recursos.

Deposite las baterías en las cajas recolectoras que se encuentra en los centros de reciclaje de materiales reciclables, las instalaciones públicas, las oficinas de correos, etc. Deposite las baterías recargables y las pilas tipo botón en las cajas recolectoras que se encuentra en los centros de reciclaje de materiales reciclables.

Vui lòng cho vào thùng thu hồi của Trung tâm tái chế tài nguyên, công trình công cộng, bưu điện, v.v...
Vui lòng cho pin sạc, pin nút áo vào thùng thu hồi của Trung tâm tái chế tài nguyên.

乾電池回収ボックスはこちら
瀬戸市役所
支所（品野・水野・幡山）
資源リサイクルセンター
瀬戸蔵
市民サービスセンター（パルティせと・菱野団地）
文化センター
市体育館
市内郵便局
公民館
地域交流センター
図書館

干电池回收箱设置于下列地点
濑户市政府
分所（品野、水野、幡山）
资源回收中心
濑户藏
市民服务中心（Parti Seto, 菱野团地）
文化中心
图书馆
市体育馆
市内邮局
公民馆
地域交流中心

Battery collection bins can be found at these locations.
Seto City Hall
Branch offices (Shinano, Mizuno, Hatayama)
Resource Recycling Center
Setogura
Citizen Service Center (Parti Seto, Hishino Danchi)
Seto City Cultural Center
Library
City Gymnasium
Post offices within Seto
Community halls
Community Exchange Center

Onde estão instaladas as caixas coletoras de pilhas secas
Prefeitura de Seto
Subprefeituras (Shinano, Mizuno, Hatayama)
Centro de Reciclagem de Produtos Recicláveis
Setogura
Centro de Serviço Civil
(Parti Seto, Complexo Habitacional Hishino)
Centro Cultural
Biblioteca
Ginásio de esportes da cidade
Agências do correio da cidade
Centro comunitário
Centro de intercâmbio local

¿Dónde se instalan las cajas de recojo de pilas secas?
Ayuntamiento de Seto
Dependencias (Shinano, Mizuno, Hatayama)
Centro de Reciclaje de Productos Reciclables
Setogura
Centro de Servicio Civil
(Parti Seto, Complejo Habitacional Hishino)
Centro Cultural
Biblioteca
Gimnasio de la ciudad
Oficinas de correos de la ciudad
Centro comunitario
Centro de intercambio local

Sau đây là địa điểm đặt thùng thu hồi pin khô
Tòa thị chính thành phố Seto
Chi nhánh (Shinano, Mizuno, Hatayama)
Trung tâm tái chế tài nguyên
Setogura
Trung tâm dịch vụ công dân
(Parti Seto, Hishino-danchi)
Trung tâm văn hóa
Thư viện
Nhà thi đấu đa năng thành phố
Các bưu điện trong thành phố
Trung tâm cộng đồng
Trung tâm giao lưu khu vực

※ その他、一部の町民会館・集会所・憩いの家にも設置しています。
※此外，部分町民会馆、集会所、休憩之家也设置了回收箱。
Note: Collection bins have also been set up at some neighborhood community halls, assembly halls, and senior citizen centers.
Também estão instaladas outras em alguns outros centros comunitários, salas de reuniões e casas de repouso.
También se instalan otras en algunos otros centros comunitarios, salas de reuniones y residencias de ancianos.
Ngoài ra, thùng thu hồi cũng được đặt tại một số trung tâm cư dân, trung tâm sinh hoạt cộng đồng, viện dưỡng lão.

その他　其他　Other　Outros　Otros　Các loại rác khác

ボタン電池　纽扣电池　Button batteries　Pilhas de botão　Pilas de botón　Pin cúc áo

● 出し方（日本語）　● 扔出方法（中国語）　● How to dispose（英語）
● Modo de deixar para coleta（ポルトガル語）　● Cómo sacar esta basura（スペイン語）
● Cách vứt（ベトナム語）

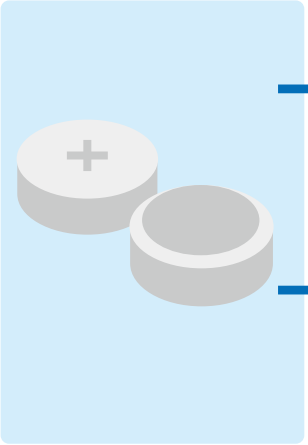

資源リサイクルセンターにお持ち込み
送至资源回收中心
Take to the Resource Recycling Center.
Levá-las ao Centro de Reciclagem de Produtos Recicláveis
Llévelas al Centro de Reciclaje de Productos Reciclables
Mang đến Trung tâm tái chế tài nguyên

電器店などの回収ボックス設置店にお持ち込み
送至电器店等设置了回收箱的店铺
Take to an electronics shop or other location with a collection bin.
Levá-las às lojas com caixas coletoras, como as lojas de eletrodomésticos, etc.
Llévelas a las tiendas con cajas de recojo, como las tiendas de electrodomésticos
Mang đến cửa hàng có đặt thùng thu hồi như cửa hàng điện, v.v...

市では収集しないごみ　本市不回收的垃圾　Items the city does not collect
Lixo não coletado pela prefeitura　Basura que no recoge el municipio　Rác không được thành phố thu gom

処理困難物
难以处理的物品
Difficult to dispose of items
Objetos difíceis de serem processados
Objetos de difícil tratamiento
Rác khó xử lý

購入店に引取りを依頼してください。
请与贩卖商店联系处理。
Ask the retailer to arrange collection.
Solicite o recebimento, à loja em que adquiriu.
Solicite la recogida de estos objetos en la tienda donde fueron adquiridos.
Hãy nhờ cửa hàng nơi bạn đã mua thu lại.

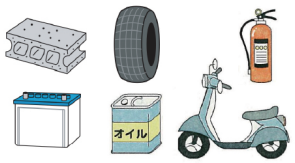

家電リサイクル対象品
家用电器回收对象品
Recyclable home appliances
Produtos inclusos no programa de reciclagem dos eletrodomésticos
Electrodomésticos que se deben reciclar
Sản phẩm thuộc đối tượng tái chế đồ điện gia dụng

購入した電気店に引取りを依頼してください。
请与购得此品的电器商店联系处理。
Ask the electronics retailer to arrange collection.
Solicite o recebimento, à loja de eletrodoméstico em que adquiriu.
Solicite la recogida de estos electrodomésticos en la tienda donde fueron adquiridos.
Hãy nhờ cửa hàng nơi bạn đã mua thu lại.

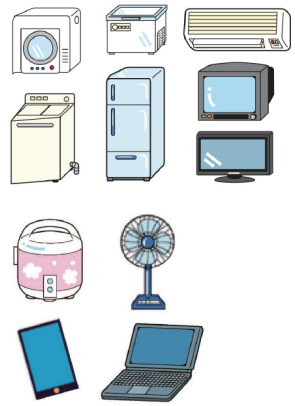

パソコン・小型家電
个人电脑和小家电
Computers and small electric appliances
Computadores pessoais e pequenos aparelhos elétricos
Computadoras y pequeños electrodomésticos
Máy tính, đồ điện gia dụng cỡ nhỏ

資源リサイクルセンター市内３支所（水野支所、幡山支所、品野支所）の回収 BOX に入れてください。
请拿到资源再生中心位于市内的三个分事处（水野，幡山和品野事处），并放在回收箱里。
Discard in the collection boxes located at the Recycling Center or its three branches in the city (Mizuno branch, Hatayama branch, and Shinano branch).
Deite-os nas caixas de coleta dos centros de reciclagem dos recursos ou das três filiais (filial de Mizuno, filial de Hatayama e a filial de Shinano).
Deséchelos en las cajas recolectoras situadas en los centros de reciclaje o en una de sus tres filiales situadas en la ciudad (la filial de Mizuno, la de Hatayama o la de Shinano).
Vui lòng cho vào thùng thu hồi của Trung tâm tái chế tài nguyên và 3 chi nhánh trong thành phố (chi nhánh Mizuno, chi nhánh Hatayama và chi nhánh Shinano).